

CỤC THADS T. ĐẮK NÔNG
CHI CỤC THADS H. ĐẮK MIL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 6.49/TB-CCTHADS

Đắk Mil, ngày 11 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đầu giá:

1.1. Tài sản 1. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 00, diện tích 8462,9m². Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 749898, số vào sổ cấp GCN: CH03466 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 28/7/2014 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại thôn Xuân Thành, xã Đức Minh, Đắk Mil, Đắk Nông.

Hiện trạng sử dụng đất: Đất bỏ hoang không canh tác, không có cây trồng hay tài sản nào có giá trị kinh tế.

* Giá khởi điểm tài sản 1: 456.997.000 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng)

1.2. Tài sản 2. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 28, diện tích 4570m². Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 804402, số vào sổ cấp GCN: CH02366 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 04/7/2013 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại Bon Jun Jú, xã Đức Minh, Đắk Mil, Đắk Nông.

1.3. Tài sản 3. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 28, diện tích 2752m². Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 804403, số vào sổ cấp GCN: CH02367 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 04/7/2013 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại Bon Jun Jú, xã Đức Minh, Đắk Mil, Đắk Nông.

Hiện trạng sử dụng đất: phần lớn diện tích đất bỏ hoang không canh tác, có mọc hoang hóa thành rừng. Do hai thửa đất liền kề nên không xác định được ranh giới giữa hai thửa. Có 280 cây tiêu kinh doanh leo trụ sống không chăm sóc không cho giá trị kinh tế.

* Giá khởi điểm tài sản 2+3: 1.610.840.000 (Một tỷ sáu trăm mười triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

1.4. Tài sản 4. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28, diện tích 4810m². Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 804404, số vào sổ cấp GCN: CH02368 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 04/7/2013 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại Bon Jun Jú, xã Đức Minh, Đắk Mil, Đắk Nông.

* Hiện trạng sử dụng đất: phần lớn diện tích đất bỏ hoang không canh tác, có mọc hoang hóa thành rừng. Có 70 cây tiêu kinh doanh leo trụ sống không chăm sóc không cho giá trị kinh tế.

*** Giá khởi điểm tài sản 4: 1.058.200.000 (Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng)**

1.5. Tài sản 5. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 26, diện tích 6530m². Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 872139, số vào sổ cấp GCN: CH05002 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 21/9/2016 cấp cho ông Lê Văn Lý và bà Nguyễn Thị Nhân và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tài sản tọa lạc tại Bon Jun Juh, xã Đức Minh, Đắk Mil, Đắk Nông.

- Cây trồng trên đất: 350 cây cà phê kinh doanh đã cho thu hoạch.

*** Giá khởi điểm tài sản 5: 1.514.188.000 đồng (Một tỷ năm trăm mười bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).**

2. Tổng giá khởi điểm của tài sản 1 + (2 + 3) + 4 + 5: 4.640.225.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm bốn mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Trung Nam số điểm: 96

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): 0

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): 0

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản 2
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Công ty đấu giá hợp danh Trung Nam	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư		

	pháp công bố		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	18	
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10	
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5	
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3	
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2	
4.	Đội với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp		
5.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	0	
	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1	
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16	
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2	

1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2	
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4	
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4	
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2	
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2	
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	54	
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15	
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá		
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá		
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá		
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15	
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)		
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành		
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành		

2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7	
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc		
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7	
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất		
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm		
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7	
6.	Số lượng đầu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4	
6.1	01 đầu giá viên		

6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3		
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên			
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	3		
7.1	Dưới 05 năm			
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm			
7.3	Từ 10 năm trở lên	4		
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5		
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên			
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên			
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5		
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	5		
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3		
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng			
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên			
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8		
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá			
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức đấu giá thành theo hợp đồng đó	4		
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh,	4		

	thành phố nơi có tài sản đầu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.		
4.	Tiêu chí khác		
	Tổng	96	

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Công thông tin DGT;
- TTDVĐG TS tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Xuân Sơn Hùng